

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1246 /UBND-KT

V/v kết quả khảo sát về kết quả triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Ban Dân tộc.

UBND tỉnh nhận được Báo cáo số 91/BC-HĐND ngày 02/11/2020 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả khảo sát về kết quả triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

Vấn đề này, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương có liên quan, chủ động triển khai thực hiện các nội dung kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại văn bản nêu trên theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đề xuất tham mưu những nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh trước 20/11/2020./.

(Sao hồ sơ gửi kèm)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Noi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNT;
- Ngân hàng NNVN – Chi nhánh tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách tỉnh;
- Lưu: VT, HB, TLe. *10*

135-11.5



Nguyễn Đắc Tài

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KHÁNH HÒA**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 91 /BC-HĐND

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 11 năm 2020

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 1613H

Ngày: 03/11

DEN **BÁO CÁO**
Kết quả khảo sát về kết quả triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020
Chuyển trung **trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Thực hiện Chương trình hoạt động năm 2020, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 206/KH-HĐND ngày 16 tháng 9 năm 2020 khảo sát kết quả triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Từ ngày 02 tháng 10 đến ngày 06 tháng 10 năm 2020, Đoàn đã trực tiếp khảo sát các mô hình phát triển kinh tế hộ và chương trình 135 tại xã Sơn Hiệp huyện Khánh Sơn; xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa; xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh; xã Khánh Thượng, xã Giang Ly huyện Khánh Vĩnh; xã Suối Cát huyện Cam Lâm. Sau khi khảo sát Đoàn đã làm việc với các địa phương: huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Cam Lâm, thị xã Ninh Hòa và thành phố Cam Ranh. Kết thúc làm việc các địa phương, Đoàn đã có buổi làm việc với các Sở: Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư, Lao động Thương binh - xã hội, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Giáo dục - Đào tạo, Y tế, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và Ban Dân tộc UBND tỉnh.

Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, kết quả làm việc với các sở, ngành, địa phương, ý kiến của các thành viên Đoàn khảo sát, Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả khảo sát như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả ban hành văn bản chỉ đạo.

a. Đối với cấp tỉnh:

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 11/7/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 -2020; Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020. Quá trình triển khai thực hiện đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành

07 quyết định và 04 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời các chính sách trên địa bàn tỉnh.

Thành lập Ban chỉ đạo, ban hành quy chế hoạt động Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo và giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện là cơ quan thường trực tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh; bên cạnh đó UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 phân công các cơ quan, đơn vị hỗ trợ, giúp đỡ hộ gia đình khó khăn tại các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2016 - 2020. Đây là một chủ trương đúng đắn, kịp thời thể hiện sự quyết tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh trong công tác giảm nghèo, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cho đồng bào DTTS.

b. Đối với cấp huyện:

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy đã ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo triển khai thực hiện; UBND cấp huyện ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình và chỉ đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động đồng bào bằng nhiều hình thức nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tại địa phương trong giai đoạn 2016- 2020.

Các cấp ủy Đảng đã xác định được mục tiêu trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, và phát huy tương đối tốt vai trò của cả hệ thống chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác giảm nghèo. Quan tâm chỉ đạo quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết chương trình, nâng cao vai trò giám sát của nhân dân bằng việc công khai, minh bạch nội dung các chính sách của người dân được thụ hưởng để chỉ đạo thực hiện chương trình kịp thời.

Công tác tuyên truyền cho đồng bào thiểu số tại địa phương cơ bản được thực hiện nghiêm túc và triển khai với nhiều hình thức tuyên truyền như: tập huấn, phổ biến pháp luật, cung cấp báo chí, vận động... Do đó, phần đông đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đã từng bước nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật và thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Kết quả đạt được của các chính sách trình phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2016- 2020

a. Về mục tiêu tổng quát:

Tính đến thời điểm tháng 9 năm 2020 có 51 xã thuộc các huyện miền núi và các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng gồm có 16,960 hộ nghèo và 5,714 hộ cận

nghèo được thụ hưởng các chính sách về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016- 2020 theo Nghị quyết 06/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của HĐND tỉnh với tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện **417.093** triệu đồng /**849.518** triệu đồng, **đạt 49%** kế hoạch, trong đó:

- Vốn đầu tư trực tiếp chương trình: 143.246 triệu đồng, gồm:
 - + Ngân sách tỉnh: 110.464 triệu đồng/149.329 triệu đồng;
 - + Ngân sách huyện: 32.782 triệu đồng/ 47.571 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép Chương trình 135: 73.082 triệu đồng/46.912,5 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép Chương trình xây dựng NTM: 151.948 triệu đồng/ 455.015 triệu đồng;
- Vốn vay Ngân hàng CSXH: 45.029 triệu đồng/90,50 triệu đồng;
- Vốn huy động khác: 3.788 triệu đồng. (*Phụ lục I kèm theo*)

b. Về mục tiêu cụ thể:

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Tổ chức 188 lớp tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào DTTS với hơn 8.900 lượt người tham dự; tổ chức 46 lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 với gần 2.500 lượt người tham dự.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững

- Hỗ trợ mô hình phát triển kinh tế hộ:

Hỗ trợ cho 1.740 hộ thực hiện các mô hình sản xuất với kinh phí trên 20 tỷ đồng; Chương trình xây dựng nông thôn mới lồng ghép hỗ trợ phát triển sản xuất cho hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh với kinh phí trên 39 tỷ đồng;

Chương trình 135 hỗ trợ các xã, thôn đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất 1.277 hộ với tổng kinh phí trên 11.750 triệu đồng (riêng huyện Khánh Vĩnh từ năm 2018 đến nay chưa triển khai thực hiện do chưa có văn bản hướng dẫn mức chi và thanh, quyết toán theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính).

Thực hiện Thông báo kết luận buổi làm việc của Lãnh đạo Tỉnh ủy và UBND tỉnh với các xã miền núi, Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ 60 hộ nghèo, hộ cận nghèo (xã Sơn Trung: 19 hộ, xã Sơn Hiệp: 41 hộ) thực hiện mô hình trồng sầu riêng, chôm chôm, bưởi da xanh với kinh phí 396 triệu đồng; hỗ trợ 131 hộ bị thiệt hại do bão số 12 năm 2017 với kinh phí 196,7 triệu đồng.

- Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; tham quan học tập kinh nghiệm phát triển sản xuất:

Mở các lớp tập huấn, hướng dẫn đồng bào về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi;

ngoài ra còn tổ chức cho 180 người là đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất tiêu biểu đi thăm quan, học tập mô hình phát triển sản xuất các tỉnh Tây Nguyên (trồng tiêu, cà phê), Nam bộ (mô hình trồng cam, quýt xen canh cây thơm, nuôi gà) và Bình Định, Phú Yên (mô hình nuôi bò thịt, trồng rau an toàn, trồng măng tre; mô hình nuôi gà kết hợp thả cá...).

- *Hỗ trợ vay vốn nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ:*

Tạo điều kiện cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS phát triển kinh tế ổn định, tăng thu nhập, cải thiện nâng cao đời sống, thoát nghèo bền vững và nâng cao ý thức tự lực vươn lên của đồng bào, Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân cho 1.829 hộ đồng bào DTTS thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo vay vốn hỗ trợ nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ theo Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh với kinh phí 57.648 triệu đồng.

Hỗ trợ tín dụng, ưu đãi: Ngân hàng Chính sách xã hội giải quyết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ sản xuất kinh doanh, học sinh sinh viên đang có nhu cầu vay vốn để sản xuất, nuôi trồng cây con. Đa số hộ vay vốn đã biết sử dụng vốn đúng mục đích, vươn lên thoát nghèo. Trong đó cho vay hộ nghèo là 106,170 tỷ đồng, cho vay hộ cận nghèo là 38,719 tỷ đồng.

Giải quyết 186 ha đất sản xuất cấp cho 420 hộ đồng bào DTTS nghèo với kinh phí thực hiện là 930 triệu đồng.

Thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo và đồng bào DTTS, tỉnh đã hỗ trợ miễn giảm học phí cho 14.328 lượt học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo; hỗ trợ chi phí học tập cho 9.827 học sinh nghèo; cho vay vốn học sinh, sinh viên 19.600 người, tổng dư nợ là 425 tỷ đồng.

Hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn miễn phí cho 2.887 lao động thuộc diện hộ nghèo với tổng kinh phí 4,33 tỷ đồng, trong đó 2.309 người có việc làm sau khi được đào tạo.

Ngoài việc hỗ trợ của Nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 phân công các cơ quan, đơn vị hỗ trợ, giúp đỡ hộ gia đình khó khăn tại các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2016 – 2020. Kết quả thực hiện từ năm 2016 đến nay, tổng kinh phí huy động hỗ trợ, giúp đỡ các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên 25 tỷ đồng.

+ *Thực hiện các chính sách an sinh xã hội*

Hỗ trợ nước sinh hoạt: Đầu tư xây dựng 33 giếng đào, 34 giếng khoan cùng với bể chứa, lăng lọc cung cấp nước sinh hoạt cho đồng bào; hỗ trợ lắp đặt lắp đặt 10 hệ thống bơm nước; lắp đặt đường ống, đồng hồ nước cho 1.971 hộ. Chương trình nông thôn mới đầu tư sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung nhằm giải quyết kịp thời nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và miền núi.

Hỗ trợ nhà ở: hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 197 hộ DTTS nghèo, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 90 nhà và ngân sách huyện hỗ trợ 82 nhà.

Hỗ trợ đào tạo nghề: hỗ trợ cho 3.260 lao động là người DTTS, trong đó đào tạo từ trung cấp trở lên là 1.955 người.

Bằng hình thức xã hội hóa, UBND 02 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh đã phối hợp với UBMTTQVN huyện vận động các tổ chức chính trị, các doanh nghiệp hỗ trợ xây dựng hơn 351 căn nhà cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở với tổng kinh phí trên 9 tỷ đồng.

+ Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Xây dựng 34 tuyến đường vào khu sản xuất tạo điều kiện lưu thông, phát triển sản xuất cho đồng bào với tổng vốn đầu tư trên 114 tỷ đồng. Lòng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với kinh phí 112 tỷ đồng.

Chương trình 135 hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, duy tu, bảo dưỡng công trình các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên 67 tỷ đồng.

Tỉnh Khánh Hòa có 04 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển: xã Đại Lãnh, Vạn Thạnh, Vạn Phước, Vạn Khánh (huyện Vạn Ninh), với tổng vốn đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng 48,729 tỷ đồng. Năm 2017 và 2018, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ 633 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp cho 04 xã để thực hiện các hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở trên địa bàn; năm 2019 tổng vốn đầu tư 20,132 tỷ đồng (đầu tư cơ sở hạ tầng: 19,852 tỷ đồng - 27 công trình; duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở: 280 triệu - 4 công trình) trong đó ngân sách Trung ương 9,132 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 11 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2016 - 2018, lòng ghép đầu tư từ nguồn vốn Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi và Chương trình 135, đã đầu tư 117 công trình trên địa bàn 02 huyện nghèo, với tổng kinh phí: 116,160 tỷ đồng. Trong đó, huyện Khánh Sơn 47 công trình, kinh phí: 47,723 tỷ đồng; huyện Khánh Vĩnh 70 công trình, kinh phí: 68,437 tỷ đồng.

Hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng 76 công trình trên địa bàn 02 huyện nghèo, kinh phí 3.598 tỷ đồng.

Thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 và Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2017 - 2020 và Quyết định 3646/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 -2020. Quá trình tổ chức thực hiện UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành và địa phương lòng ghép nguồn vốn từ các chương trình, chính sách có liên quan thực hiện đạt được kết quả sau:

Bằng nguồn đất bóc tách từ các nông, lâm trường (nay là các Công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng), từ năm 2016 đến nay các địa phương thực hiện cấp đất

sản xuất cho 650 hộ/377,66 ha cho hộ đồng bào DTTS nghèo thiếu đất sản xuất (Khánh Vĩnh 465 hộ/303,46 ha, Khánh Sơn 33 hộ/40,6 ha, Cam lâm 148 hộ/129,6 ha, Ninh Hoà 4 hộ/4ha).

Các địa phương triển khai thực hiện rà soát, thống kê các hộ hiện đang sản xuất trên diện tích bóc tách để cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các hộ thiếu đất sản xuất thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách. Đồng thời tuyên truyền, vận động đồng bào chia sẻ, sang nhượng đất ở, đất sản xuất cho các đối tượng thiếu đất trong gia đình, dòng tộc ... góp phần làm giảm nhu cầu giải quyết đất trên địa bàn.

Qua rà soát của UBND các huyện, thị xã, thành phố, đến thời điểm báo cáo (tháng 9/2020), số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở trên địa bàn tỉnh còn 333 hộ, giảm 700 hộ so với đề án được duyệt; số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất trên địa bàn tỉnh còn 542 hộ giảm 1.502 hộ so với đề án được duyệt.

Đối với những nơi không giải quyết được quỹ đất để hỗ trợ đất sản xuất cho hộ đối tượng hộ nghèo theo quy định, các địa phương xây dựng phương án hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 363 hộ nhằm giúp các hộ dân tạo việc làm, tăng thu nhập ổn định đời sống (Khánh Vĩnh: 7 hộ, Khánh Sơn: 75 hộ, Cam Lâm: 17 hộ, Vạn Ninh: 236 hộ, Ninh Hoà: 28 hộ).

Chương trình nông thôn mới đầu tư sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung nhằm giải quyết kịp thời nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Đánh giá chung:

Qua khảo sát thực tế tại địa phương và báo cáo của Ban Dân tộc UBND tỉnh, Đoàn khảo sát nhận thấy bằng nhiều hình thức triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc; hỗ trợ phát triển sản xuất giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các chính sách an sinh xã hội được triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, đúng đối tượng nhờ vậy đến cuối năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc đã giảm từ 26,6% của năm 2016 xuống còn 9,5% của năm 2019 và dự kiến đến cuối năm 2020 còn 9% trên tổng số hộ nghèo. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào DTTS *giảm từ 70,76% năm 2016 xuống còn 35,25% cuối năm 2019 và dự kiến* đến cuối năm 2020 còn lại 19,90% .

Như vậy, qua 5 năm triển khai thực hiện tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm còn 35,25%, bình quân giảm từ 9%/năm so với mục tiêu đặt ra của chương trình bình quân hàng năm giảm hộ nghèo đối với đồng bào DTTS là 5-6 %/năm.

- Thu nhập bình quân của đồng bào DTTS đạt trên 14 triệu đồng/năm, tăng 1,7 lần so với năm 2015;

- Tỷ lệ lao động người DTTS qua đào tạo nghề từ trình độ sơ cấp trở lên đạt 45,63%, trong đó lao động được đào tạo từ trung cấp trở lên đạt 27,17%;

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 40,2%;
- Tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,5%;
- Tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ đạt 93,7%;
- Tỷ lệ hộ đồng bào DTTS sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99%;
- Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 94;
- Tỷ lệ hộ đồng bào DTTS sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%.
- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đến nay đều đạt và vượt với chỉ tiêu đặt ra. Đạt được kết quả như trên là nhờ cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đã làm tốt công tác chỉ đạo các ngành và các đoàn thể thường xuyên tuyên truyền các chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, nhằm nâng cao nhận thức hiểu biết pháp luật, ý thức trách nhiệm của đồng bào trong việc thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Các địa phương đã bám sát được các giải pháp của chương trình thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách với đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận được nguồn vốn để phát triển sản xuất.
- Một số địa phương đã thực hiện quả các mô hình lồng ghép, kết hợp phát triển mô hình chăn nuôi với chuyển đổi cây trồng có giá trị, năng suất cao phù hợp với thổ nhưỡng khí hậu của địa phương.

II. NHỮNG TỒN TẠI HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn những tồn tại, hạn chế, bất cập sau:

1. Về khách quan

- Ngân sách tỉnh gấp khó khăn, nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương hạn hẹp; do đó Chương trình nông thôn mới chỉ đạt **151.948** triệu đồng/ **455.015** triệu đồng bằng **33,394%** KH, bên cạnh đó công tác chuẩn bị đầu tư của các địa phương thực hiện chậm; sự phối hợp chưa đồng bộ, chặt chẽ giữa các sở, ngành trong quá trình triển khai thực hiện, đến nay số xã miền núi đạt tiêu chí giao thông nông thôn mới còn thấp **28/48 xã (đạt 58,33%)**; có 15/48 xã vùng DTTS và miền núi đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới về giao thông so với tiêu chí đề ra là **70% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới về giao thông**.

- Nhu cầu vay vốn của đồng bào DTTS để sản xuất và tạo việc làm cho con em trong độ tuổi lao động đạt thấp, vốn vay Ngân hàng CSXH: **45.029** triệu đồng/**90,50** triệu đồng đạt **49,75%** KH

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình 135 của các địa phương năm 2020 không thực hiện, cá biệt huyện Khánh Vĩnh từ năm 2018 - 2020 không giải ngân được với lý do sự phối hợp chưa đồng bộ, chặt chẽ giữa các sở, ngành trong việc hướng dẫn mức chi, thanh, quyết toán theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC của Bộ

Tài chính và Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã làm cho các địa phương lúng túng trong triển khai thực hiện.

- Do thời tiết nắng hạn, thay đổi thất thường, không thuận lợi, dịch bệnh đã ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển cho sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi đến các mô hình phát triển kinh tế hộ trong thời gian qua.

- Tình hình giá cá thị trường còn bấp bênh, thiếu ổn định, chưa có chính sách kết nối bao tiêu hàng nông sản nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho vùng đồng bào dân tộc tiếp cận với thị trường, mới chỉ dừng lại sản xuất nhỏ lẻ tự cung tự cấp.

- Một số chính sách và nguồn vốn đầu tư vào miền núi còn manh mún chưa tập trung, còn phân tán.

2. Về chủ quan.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân triển khai thực hiện các mô hình phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn hạn chế nhất định, chưa phát huy được nội lực, nguồn lực trong nhân dân để cùng thực hiện lồng ghép các mô hình phát triển sản xuất trên địa bàn các xã.

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương nhận thức về công tác dân tộc, chính sách dân tộc chưa thật sự sâu sắc, toàn diện; sự chỉ đạo phối hợp thực hiện đôi lúc chưa kịp thời và đồng bộ.

- Ban chỉ đạo cấp xã vẫn còn hạn chế, chưa bám sát trong công tác điều hành tổ chức thực hiện chương trình tại địa phương.

- Các địa phương chưa nhân rộng được các mô hình điển hình để các hộ học tập kinh nghiệm lẫn nhau trong sản xuất và chăn nuôi.

- Các huyện đồng bằng có xã, thôn người đồng bào DTTS còn lúng túng trong việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng tại địa phương.

- Các mô hình phát triển kinh tế hộ một số nơi nhỏ lé, không bền vững.

- Người dân chưa phát huy được tính tự lực vươn lên, vẫn còn trông chờ i lại nguồn đầu tư của nhà nước.

- Việc hỗ trợ tạo sinh kế, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề phi nông nghiệp cho các hộ ở những nơi không giải quyết được đất sản xuất gặp khó khăn.

- Việc bóc tách đất từ các Công ty lâm nghiệp và Ban quản lý rừng trên địa bàn tỉnh để giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất của đồng bào còn hạn chế.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm mạnh (bình quân gần 9%/năm) nhưng chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao.

III. KẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND tỉnh

- Có văn bản đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi quy định cho vay đối với hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trong thời gian 05 năm (hiện nay quy định thời gian kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 3 năm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

- Nghiên cứu, đề xuất với Quốc hội sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ các văn bản liên quan không còn phù hợp; hợp nhất các văn bản và các chính sách nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật tránh trùng lặp, chồng chéo tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện tốt các nguồn vốn đầu tư cho vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn tiếp theo.

- Trên cơ sở tổng kết đánh giá kết quả đạt được của giai đoạn 2016- 2020 xây dựng đề án Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025.

- Chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh phối hợp các cơ quan quản lý các chương trình khác có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh để tham mưu cho UBND xây dựng khung chính sách cho chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới (2021 - 2025) theo hướng hạn chế và từng bước chuyển đổi từ hình thức nhà nước cho không (cho tiền, cho cây trồng, vật nuôi, cho hàng tiêu dùng..) sang hình thức hỗ trợ đầu tư cho phát triển kinh tế, như hỗ trợ cho hộ gia đình lập kế hoạch, dự án phát triển sản xuất, hỗ trợ về hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ về quảng bá, liên kết tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ về lãi suất tiền vay từ nguồn vay vốn ưu đãi của chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội ... khuyến khích các hộ tự vươn lên xóa đói giảm nghèo bền vững, khắc phục tư tưởng trông chờ i lại của một bộ phận người đồng bào DTTS.

2. Đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, phát huy những thế mạnh đạt được của những năm qua, tiếp tục chỉ đạo, cũng cố Ban chỉ đạo chương trình phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, cấp xã nhằm tham mưu thực hiện tốt các chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn tiếp theo.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, về thực hiện chính sách dân tộc, chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo các nguồn vốn đầu tư hỗ trợ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả.

3. Đề nghị UBND cấp xã.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội nhằm tuyên truyền, phổ biến nhân rộng các mô hình sản xuất, chăn nuôi, có định hướng phát triển kinh tế hộ theo mô hình tập trung; phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng để giải quyết tốt các vướng mắc từ cơ sở.

- Chủ động chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp; tăng cường quản lý quy trình trồng trọt các loại nông sản đã được đăng ký thương hiệu để bảo đảm chất lượng giá trị sản phẩm, đẩy mạnh kết nối bao tiêu sản phẩm, đặc biệt là những sản phẩm có giá trị giúp người dân thoát nghèo.
- Tăng cường công tác quản lý đất đai, tránh tình trạng các hộ dân sang nhượng các diện tích đất được nhà nước cấp dưới mọi hình thức.
- Khuyến khích người dân, các tổ chức tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Trên đây là kết quả khảo sát và kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở ngành chuyên môn xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Tỉnh uỷ (B/c)
- TTHĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Thành viên Ban dân tộc;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, KH & ĐT, Sở LĐ TB&XH, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn,
- Ngân hàng chính sách - Xã hội, Y tế, Giáo dục- Đào tạo;
- HĐND, UBND huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Ninh Hòa, Cam Lâm, TPCR.
- Lưu VT + VB

**TM. BAN DÂN TỘC HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Mai Liên



Phụ lục I

VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI 2016 - 2020
(Kèm theo Báo cáo số 175 /BD-BDT ngày 16/10/2020 của Ban Dân tộc)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2016 - 2020										Thực hiện 2016 - 2020									
		Tổng số	Trong đó:								Tổng số	Trong đó:									
			NS tỉnh		NS huyện	Vốn vay	Vốn CT NTM	Vốn huy động	Vốn CT 135			NS tỉnh		NS huyện	Vốn vay	Vốn CT NTM	Vốn huy động	Vốn CT 135			
		ĐTPT	SNKT	ĐTPT					SNKT	ĐTPT		SNKT	ĐTPT					SNKT			
	Tổng vốn	849,518	107,000	42,392	47,571	90,500	455,015	2,890	73,200	30,950	417,093	74,106	36,358	32,782	45,029	151,948	3,788	53,098	19,984		
1	Tuyên truyền, PBGDPL vùng DTTS và miền núi; nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và công đồng	6,120		1,500							4,620	4,944		1,670							3,274
	- Tuyên truyền, phò biển GDPL	1,500		1,500								1,670		1,670							
	- Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng các xã, thôn ĐBK	4,620									4,620	3,274									3,274
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo bền vững	145,219		36,299		86,720		1,000		21,200	117,928		21,301		45,029	39,948					11,650
	- Hỗ trợ mô hình phát triển kinh tế	20,240		20,240								60,411		20,463		39,948					
	- Hỗ trợ vay vốn nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ	86,720			86,720							45,029			45,029						
	- Hỗ trợ lãi suất vay vốn nhân rộng mô hình	14,559		14,559																	
	- Hỗ trợ hoạt động KN, KL; tham quan học tập	2,500		1,500				1,000				838		838							
	- Hỗ trợ PTXS các xã, thôn ĐBK	21,200								21,200	11,650										11,650
3	Thực hiện an sinh xã hội	9,820		3,850	300	3,780		1,890			15,124		12,739	1,201				1,184			
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt	4,150		3,850	300						11,876		11,659	217							
	- Hỗ trợ sửa chữa nhà ở đồng bào DTTS	5,670				3,780		1,890			3,248		1,080	984			1,184				
4	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	687,098	107,000		47,271		455,015		73,200	4,612	277,983	74,106		31,581		112,000	2,604	53,098	4,594		
	- Đường vào khu sản xuất	154,271	107,000		47,271						105,687	74,106		31,581							
	- Đường nội đồng, đường trực thôn, đường liên xóm	330,316				330,316					104,004					101,400	2,604				
	- Hệ thống cấp nước sinh hoạt	124,699				124,699					10,600					10,600					
	- Cơ sở hạ tầng các xã, thôn ĐBK	73,200							73,200		53,098						53,098				
	- Duy tu, bảo dưỡng công trình xã, thôn ĐBK	4,612								4,612	4,594									4,594	
5	Chi phí quản lý (0,5% NS tỉnh)	1,261		743						518	1,114		648							466	



Phụ lục II

**TỔNG HỢP HỘ NGHÈO VÀ HỘ CẬN NGHÈO 51 XÃ VÙNG DÂN TỘC THIẾU SỐ
VÀ MIỀN NÚI THEO QUYẾT ĐỊNH 582/QĐ-TTg**
(Kết theo Báo cáo số 173 /BD-BDT ngày 16/10/2020 của Ban Dân tộc)

Huyện/thị xã/thành phố	Hộ nghèo				Hộ cận nghèo				Ghi chú	
	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Trong đó: DTTS		Tổng số	Tỷ lệ (%)	Trong đó: DTTS			
			Số hộ	Tỷ lệ (%)			Số hộ	Tỷ lệ (%)		
TỔNG CỘNG										
Năm 2016	16,960	26.06	10,821	70.76	5,714	8.78	1,528	9.99		
Năm 2017	13,489	20.90	9,499	57.96	8,362	7.36	2,372	14.19		
Năm 2018	10,575	15.35	8,122	48.52	8,508	12.35	3,216	19.18		
Năm 2019	7,474	9.50	5,981	35.25	9,670	11.15	4,455	26.26		
Năm 2020 (dự kiến)		9.04		19.90						
Huyện Khánh Sơn (8 xã)										
Năm 2016	3,550	57.27	3,448	77.82	406	6.55	312	7.04		
Năm 2017	3,235	48.32	3,108	65.65	923	13.79	820	17.32		
Năm 2018	3,015	44.09	2,911	60.03	1,100	16.09	1,005	20.73		
Năm 2019	2,320	33.30	2,222	44.82	1,470	21.10	1,404	28.32		
Năm 2020 (dự kiến)		25.22		36.80						
Huyện Khánh Vĩnh (14 xã)										
Năm 2016	5,413	61.18	5,116	79.37	450	5.09	333	5.17		
Năm 2017	4,799	52.10	4,625	69.71	695	7.55	569	8.58		
Năm 2018	4,201	43.98	4,066	59.31	980	10.26	867	12.65		
Năm 2019	3,166	32.59	3,105	44.68	1,648	16.96	1,469	21.14		
Năm 2020 (dự kiến)		24.76		36.50						
Huyện Cam Lâm (9 xã)										
Năm 2016	3,040	17.70	1,044	71.60	2,043	11.90	162	11.11		
Năm 2017	1,995	7.00	782	53.27	3,504	12.30	410	27.93		
Năm 2018	1,132	6.69	534	34.36	2,883	17.03	654	42.08		
Năm 2019	656	3.66	289	18.14	3,133	17.49	890	55.87		
Năm 2020 (dự kiến)		2.36		12.40						
Huyện Diên Khánh (2 xã)										
Năm 2016	257	13.90	125	86.81	129	6.98	4	2.78		
Năm 2017	210	10.82	113	78.47	132	6.80	16	11.11		
Năm 2018	129	6.56	91	61.07	139	7.07	40	26.85		
Năm 2019	103	4.86	72	48.65	131	6.18	49	33.11		
Năm 2020 (dự kiến)		3.50		37.50						

Huyện/thị xã/thành phố	Hộ nghèo				Hộ cận nghèo				Ghi chú	
	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Trong đó: DTTS		Tổng số	Tỷ lệ (%)	Trong đó: DTTS			
			Số hộ	Tỷ lệ (%)			Số hộ	Tỷ lệ (%)		
Thành phố Cam Ranh (4 xã)										
Năm 2016	1,175	15.56	593	33.05	1,209	16.01	636	35.45		
Năm 2017	750	10.32	477	23.72	1,043	14.35	441	21.93		
Năm 2018	389	5.16	259	11.67	912	12.09	448	20.19		
Năm 2019	188	2.36	122	5.33	745	9.35	372	16.26		
Năm 2020 (dự kiến)		1.26		3.60						
Thị xã Ninh Hòa (5 xã)										
Năm 2016	1,038	18.72	489	49.70	416	7.50	80	8.13		
Năm 2017	783	13.44	388	37.13	575	9.87	115	11.00		
Năm 2018	485	8.16	260	24.55	708	11.92	197	18.60		
Năm 2019	308	5.06	169	16.46	788	12.94	270	26.29		
Năm 2020 (dự kiến)		3.70		12.50						
Huyện Vạn Ninh (9 xã)										
Năm 2016	2,487	13.88	6	16.21	1,061	5.92	1	2.70		
Năm 2017	1,717	9.11	6	16.21	1,490	7.91	1	2.70		
Năm 2018	1,224	6.09	1	2.86	1,786	8.88	5	14.29		
Năm 2019	733	3.63	2	5.41	1,755	8.68	1	2.70		
Năm 2020 (dự kiến)		2.50		0.00						

* Ghi chú: Tỷ lệ hộ nghèo DTTS = $\frac{\text{Số nghèo DTTS}}{\text{Tổng số hộ DTTS}} \times 100\%$



Phụ lục III

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỀU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số 173 /BD-BDT ngày 16/10/2020 của Ban Dân tộc)

S T T	Chỉ tiêu	Đ V T	Mục tiêu năm 2020	Thực hiện		So với mục tiêu	Ghi chú
				Đến năm 2019	Dự kiến năm 2020		
1	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu	%	40.76	35.25	19.90	Đạt	Chi tiết tại Phụ lục II
2	Thu nhập bình quân	Tr.đ	12	14	15	Đạt	
3	Số xã miền núi	%	70.0	54.20	58.30	Không đạt	KQ thực hiện NTM
4	Tỷ lệ lao động	%	40.0	45.63	46.00	Đạt	
5	Tỷ lệ trẻ em dân tộc	%	94.0	92.40	94.00	Đạt	
6	Tỷ lệ người dân	%	99.0	99.50	99.50	Đạt	
7	Tỷ lệ người dân	%	92.0	93.70	94.00	Đạt	
8	Tỷ lệ dân số miền	%	95.0	92.30	95.00	Đạt	
9	Tỷ lệ hộ	%	99.0	97.00	99.00	Đạt	
10	Tỷ lệ hộ dân tộc	%	40.0	40.20	40.50	Đạt	

$$\frac{\text{Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc}}{\text{Tổng số hộ DTTS}} \times 100\%$$